



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ
DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ

Độ bền thách thức thời gian



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ

DÂY ĐIỆN DÂN DỤNG BỌC PVC

(Thời gian áp dụng: từ ngày 01/08/2021)

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60227-3 / IEC 60227-5

Điện áp sử dụng: 300/500V; 450/750V

Quy cách sản phẩm: Cu/PVC; Cu/PVC/PVC

TT	Tên sản phẩm	Cấp điện áp	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT	Đơn giá (đã bao gồm 10% VAT)	
			Số sợi	ĐK sợi		Giá bán buôn	Giá bán lẻ
						VND	VND
I. DÂY ĐƠN - Cu/PVC (ruột đồng, cách điện PVC), màu dây (đỏ, xanh, vàng, đen, tiếp địa)							
1	VCm - Đơn 1x0,75	300/500V	24	0,2	m	3,360	3,696
2	VCm - Đơn 1x1,0	300/500V	32	0,2	m	4,300	4,730
3	VCm - Đơn 1x1,5	450/750V	30	0,25	m	6,360	6,996
4	VCm - Đơn 1x2,5	450/750V	50	0,25	m	10,330	11,363
5	VCm - Đơn 1x4,0	450/750V	80	0,25	m	15,850	17,435
6	VCm - Đơn 1x6,0	450/750V	120	0,25	m	23,550	25,905
7	VCm - Đơn 1x10	450/750V	200	0,25	m	39,200	43,120
II. DÂY DẸT - Cu/PVC/PVC (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC)							
8	VCm-D - Dẹt 2x0,75	300/500V	24	0,2	m	7,700	8,470
9	VCm-D - Dẹt 2x1,0	300/500V	32	0,2	m	9,860	10,846
10	VCm-D - Dẹt 2x1,5	300/500V	30	0,25	m	13,550	14,905
11	VCm-D - Dẹt 2x2,5	300/500V	50	0,25	m	22,300	24,530
12	VCm-D - Dẹt 2x4,0	300/500V	80	0,25	m	33,500	36,850
13	VCm-D - Dẹt 2x6,0	300/500V	120	0,25	m	49,600	54,560
14	VCm-D - Dẹt 3x0,75	300/500V	24	0,2	m	11,400	12,540
III. DÂY XÚP - Cu/PVC (ruột đồng, cách điện PVC)							
15	VCm-X - Xúp 2x0,75	300/500V	24	0,2	m	6,600	7,260
IV. DÂY TRÒN (2,3,4) RUỘT MỀM - Cu/PVC /PVC (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC)							
16	VCm-T - Tròn 2x0,75	300/500V	24	0,2	m	8,770	9,647
17	VCm-T - Tròn 2x1,0	300/500V	32	0,2	m	11,340	12,474
18	VCm-T - Tròn 2x1,5	300/500V	30	0,25	m	15,090	16,599
19	VCm-T - Tròn 2x2,5	300/500V	50	0,25	m	24,900	27,390
20	VCm-T - Tròn 2x4,0	300/500V	80	0,25	m	36,600	40,260
21	VCm-T - Tròn 2x6,0	300/500V	120	0,25	m	54,100	59,510

22	VCm-T - Tròn 3x0,75	300/500V	24	0,2	m	12,280	13,508
23	VCm-T - Tròn 3x1,0	300/500V	32	0,2	m	15,900	17,490
24	VCm-T - Tròn 3x1,5	300/500V	30	0,25	m	21,290	23,419
25	VCm-T - Tròn 3x2,5	300/500V	50	0,25	m	34,500	37,950
26	VCm-T - Tròn 3x4,0	300/500V	80	0,25	m	52,180	57,398
27	VCm-T - Tròn 3x6,0	300/500V	120	0,25	m	78,030	85,833
28	VCm-T - Tròn 4x0,75	300/500V	24	0,2	m	16,150	17,765
29	VCm-T - Tròn 4x1,0	300/500V	32	0,2	m	20,050	22,055
30	VCm-T - Tròn 4x1,5	300/500V	30	0,25	m	27,800	30,580
31	VCm-T - Tròn 4x2,5	300/500V	50	0,25	m	44,800	49,280
32	VCm-T - Tròn 4x4,0	300/500V	80	0,25	m	68,320	75,152
33	VCm-T - Tròn 4x6,0	300/500V	120	0,25	m	101,400	111,540

V. DÂY DÍNH CÁCH - Cu/PVC/PVC (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC)

34	VCm-DK - Dính cách 2x1,5	300/500V	30	0,25	m	13,800	15,180
35	VCm-DK - Dính cách 2x2,5	300/500V	50	0,25	m	22,800	25,080
36	VCm-DK - Dính cách 2x4,0	300/500V	80	0,25	m	33,900	37,290

Thông tin : TRẦN PHÚ - TRAFUCO

ĐC: Số 41 Phương Liệt, P. Phương liệt, Q.Thanh Xuân, HN

Website: tranphu.com.vn (<http://tranphucable.com.vn/>)

Email: Contact@tranphu.vn

Tel: 0243.869.1172 **Hotline:** 0898 414141

HÀ NỘI, ngày 31 Tháng 07 năm 2021

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC KINH DOANH



TRỊNH VĂN ĐỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ
DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ
Độ bền thách thức thời gian



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ CÁP ĐIỆN HẠ THẾ

(Thời gian áp dụng: từ ngày 01/08/2021)

Tiêu chuẩn áp dụng: -TCVN 5935-1 (IEC 60502-1), TCVN 6612 (IEC 60228).

Điện áp sử dụng: 0,6/1kV

"Khách hàng có thể đặt hàng các chủng loại sản phẩm không có trong bảng giá"

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (10%)	Bao gồm VAT (10%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VND	VND
I. CÁP ĐƠN - HẠ THỂ (Cu/PVC)								
1	Cáp CV-10	7	Compact			m	36,818	40,500
2	Cáp CV-16	7	Compact			m	60,000	66,000
3	Cáp CV-25	7	Compact			m	95,455	105,000
4	Cáp CV-35	7	Compact			m	130,909	144,000
5	Cáp CV-50	7	Compact			m	181,818	200,000
6	Cáp CV-70	19	Compact			m	256,364	282,000
7	Cáp CV-95	19	Compact			m	351,818	387,000
8	Cáp CV-120	19	Compact			m	441,818	486,000
9	Cáp CV-150	19	Compact			m	550,909	606,000
10	Cáp CV-185	37	Compact			m	690,909	760,000
11	Cáp CV-240	37	Compact			m	899,727	989,700
12	Cáp CV-300	61	Compact			m	1,101,364	1,211,500
13	Cáp CV-400	61	Compact			m	1,416,091	1,557,700
II. CÁP 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
14	Cáp CVV-(1x2,5)	7	2,01			m	13,045	14,350
15	Cáp CVV-(1x4)	7	2,55			m	19,000	20,900
16	Cáp CVV-(1x6)	7	3,12			m	26,727	29,400
17	Cáp CVV-(1x10)	7	Compact			m	39,364	43,300
18	Cáp CVV-(1x16)	7	Compact			m	63,273	69,600
19	Cáp CVV-(1x25)	7	Compact			m	101,364	111,500
20	Cáp CVV-(1x35)	7	Compact			m	138,091	151,900
21	Cáp CVV-(1x50)	7	Compact			m	186,364	205,000
22	Cáp CVV-(1x70)	19	Compact			m	263,636	290,000
23	Cáp CVV-(1x95)	19	Compact			m	368,182	405,000
24	Cáp CVV-(1x120)	19	Compact			m	462,727	509,000
25	Cáp CVV-(1x150)	19	Compact			m	580,909	639,000
26	Cáp CVV-(1x185)	37	Compact			m	729,091	802,000
27	Cáp CVV-(1x240)	37	Compact			m	914,182	1,005,600
28	Cáp CVV-(1x300)	61	Compact			m	1,206,364	1,327,000
29	Cáp CVV-(1x400)	61	Compact			m	1,504,545	1,655,000
III. CÁP 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
30	Cáp CVV-(2x2,5)	7	2,01			m	24,091	26,500
31	Cáp CVV-(2x4)	7	2,55			m	38,455	42,300
32	Cáp CVV-(2x6)	7	3,12			m	53,364	58,700
33	Cáp CVV-(2x10)	7	Compact			m	81,091	89,200
34	Cáp CVV-(2x16)	7	Compact			m	137,727	151,500
35	Cáp CVV-(2x25)	7	Compact			m	201,273	221,400

36	Cáp CVV-(2x35)	7	Compact			m	284,364	312,800
37	Cáp CVV-(2x50)	7	Compact			m	384,727	423,200
38	Cáp CVV-(2x70)	19	Compact			m	529,636	582,600
39	Cáp CVV-(2x95)	19	Compact			m	724,909	797,400
40	Cáp CVV-(2x120)	19	Compact			m	890,545	979,600
41	Cáp CVV-(2x150)	19	Compact			m	1,056,364	1,162,000
42	Cáp CVV-(2x185)	37	Compact			m	1,311,818	1,443,000
43	Cáp CVV-(2x240)	37	Compact			m	1,715,455	1,887,000
44	Cáp CVV-(2x300)	61	Compact			m	2,150,000	2,365,000
45	Cáp CVV-(2x400)	61	Compact			m	2,740,000	3,014,000

IV. CÁP 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)

46	Cáp CVV-(3x2,5)	7	2,01			m	34,545	38,000
47	Cáp CVV-(3x4)	7	2,55			m	56,636	62,300
48	Cáp CVV-(3x6)	7	3,12			m	78,727	86,600
49	Cáp CVV-(3x10)	7	Compact			m	117,545	129,300
50	Cáp CVV-(3x16)	7	Compact			m	184,545	203,000
51	Cáp CVV-(3x25)	7	Compact			m	288,182	317,000
52	Cáp CVV-(3x35)	7	Compact			m	388,182	427,000
53	Cáp CVV-(3x50)	7	Compact			m	566,364	623,000
54	Cáp CVV-(3x70)	19	Compact			m	744,545	819,000
55	Cáp CVV-(3x95)	19	Compact			m	1,007,273	1,108,000
56	Cáp CVV-(3x120)	19	Compact			m	1,259,091	1,385,000
57	Cáp CVV-(3x150)	19	Compact			m	1,620,000	1,782,000
58	Cáp CVV-(3x185)	37	Compact			m	1,954,545	2,150,000
59	Cáp CVV-(3x240)	37	Compact			m	2,445,455	2,690,000
60	Cáp CVV-(3x300)	61	Compact			m	3,227,273	3,550,000

V. CÁP (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)

61	Cáp CVV-(3x2,5+1x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	49,364	54,300
62	Cáp CVV-(3x4+1x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	72,364	79,600
63	Cáp CVV-(3x6+1x4)	7	3,12	7	2,55	m	100,909	111,000
64	Cáp CVV-(3x10+1x6)	7	Compact	7	3,12	m	155,000	170,500
65	Cáp CVV-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	235,364	258,900
66	Cáp CVV-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	397,273	437,000
67	Cáp CVV-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	521,636	573,800
68	Cáp CVV-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	534,000	587,400
69	Cáp CVV-(3x50+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	728,182	801,000
70	Cáp CVV-(3x50+1x35)	7	Compact	7	Compact	m	771,818	849,000
71	Cáp CVV-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,009,091	1,110,000
72	Cáp CVV-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,100,000	1,210,000
73	Cáp CVV-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,238,636	1,362,500
74	Cáp CVV-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,312,545	1,443,800
75	Cáp CVV-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,568,182	1,725,000
76	Cáp CVV-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,670,455	1,837,500
77	Cáp CVV-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,886,364	2,075,000
78	Cáp CVV-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,994,545	2,194,000
79	Cáp CVV-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,079,545	2,287,500
80	Cáp CVV-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,386,364	2,625,000
81	Cáp CVV-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,494,364	2,743,800
82	Cáp CVV-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,595,455	2,855,000
83	Cáp CVV-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,098,182	3,408,000
84	Cáp CVV-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,215,455	3,537,000
85	Cáp CVV-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,348,182	3,683,000
86	Cáp CVV-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	3,879,091	4,267,000
87	Cáp CVV-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,011,818	4,413,000
88	Cáp CVV-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,218,182	4,640,000

VI. CẤP 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)

89	Cáp CVV-(4x2,5)	7	2,01			m	45,455	50,000
90	Cáp CVV-(4x4)	7	2,55			m	73,455	80,800
91	Cáp CVV-(4x6)	7	3,12			m	101,818	112,000
92	Cáp CVV-(4x10)	7	Compact			m	155,273	170,800
93	Cáp CVV-(4x16)	7	Compact			m	241,273	265,400
94	Cáp CVV-(4x25)	7	Compact			m	379,727	417,700
95	Cáp CVV-(4x35)	7	Compact			m	503,636	554,000
96	Cáp CVV-(4x50)	7	Compact			m	663,636	730,000
97	Cáp CVV-(4x70)	19	Compact			m	954,545	1,050,000
98	Cáp CVV-(4x95)	19	Compact			m	1,335,455	1,469,000
99	Cáp CVV-(4x120)	19	Compact			m	1,658,182	1,824,000
100	Cáp CVV-(4x150)	19	Compact			m	1,965,455	2,162,000
101	Cáp CVV-(4x185)	37	Compact			m	2,570,909	2,828,000
102	Cáp CVV-(4x240)	37	Compact			m	3,220,000	3,542,000
103	Cáp CVV-(4x300)	61	Compact			m	4,209,091	4,630,000

VII. CẤP 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)

104	Cáp CXV-(1x1,5)	7	1,56			m	7,818	8,600
105	Cáp CXV-(1x2,5)	7	2,01			m	11,818	13,000
106	Cáp CXV-(1x4)	7	2,55			m	18,091	19,900
107	Cáp CXV-(1x6)	7	3,12			m	26,273	28,900
108	Cáp CXV-(1x10)	7	Compact			m	40,091	44,100
109	Cáp CXV-(1x16)	7	Compact			m	62,364	68,600
110	Cáp CXV-(1x25)	7	Compact			m	99,091	109,000
111	Cáp CXV-(1x35)	7	Compact			m	135,455	149,000
112	Cáp CXV-(1x50)	7	Compact			m	186,364	205,000
113	Cáp CXV-(1x70)	19	Compact			m	263,636	290,000
114	Cáp CXV-(1x95)	19	Compact			m	368,091	404,900
115	Cáp CXV-(1x120)	19	Compact			m	455,455	501,000
116	Cáp CXV-(1x150)	19	Compact			m	570,909	628,000
117	Cáp CXV-(1x185)	37	Compact			m	717,273	789,000
118	Cáp CXV-(1x240)	37	Compact			m	900,000	990,000
119	Cáp CXV-(1x300)	61	Compact			m	1,180,000	1,298,000
120	Cáp CXV-(1x400)	61	Compact			m	1,531,818	1,685,000

VIII. CẤP 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)

121	Cáp CXV-(2x1,5)	7	1,56			m	17,364	19,100
122	Cáp CXV-(2x2,5)	7	2,01			m	26,909	29,600
123	Cáp CXV-(2x4)	7	2,55			m	38,182	42,000
124	Cáp CXV-(2x6)	7	3,12			m	55,455	61,000
125	Cáp CXV-(2x10)	7	Compact			m	85,455	94,000
126	Cáp CXV-(2x16)	7	Compact			m	131,182	144,300
127	Cáp CXV-(2x25)	7	Compact			m	200,000	220,000
128	Cáp CXV-(2x35)	7	Compact			m	272,273	299,500
129	Cáp CXV-(2x50)	7	Compact			m	372,727	410,000
130	Cáp CXV-(2x70)	19	Compact			m	540,909	595,000
131	Cáp CXV-(2x95)	19	Compact			m	738,182	812,000
132	Cáp CXV-(2x120)	19	Compact			m	900,000	990,000
133	Cáp CXV-(2x150)	19	Compact			m	1,123,636	1,236,000

IX. CẤP 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)

134	Cáp CXV-(3x1,5)	7	1,56			m	26,818	29,500
135	Cáp CXV-(3x2,5)	7	2,01			m	38,818	42,700
136	Cáp CXV-(3x4)	7	2,55			m	56,636	62,300
137	Cáp CXV-(3x6)	7	3,12			m	80,818	88,900
138	Cáp CXV-(3x10)	7	Compact			m	125,909	138,500
139	Cáp CXV-(3x16)	7	Compact			m	188,818	207,700



140	Cáp CXV-(3x25)	7	Compact			m	300,273	330,300
141	Cáp CXV-(3x35)	7	Compact			m	408,364	449,200
142	Cáp CXV-(3x50)	7	Compact			m	572,727	630,000
143	Cáp CXV-(3x70)	19	Compact			m	800,000	880,000
144	Cáp CXV-(3x95)	19	Compact			m	1,071,818	1,179,000
145	Cáp CXV-(3x120)	19	Compact			m	1,326,364	1,459,000
146	Cáp CXV-(3x150)	19	Compact			m	1,665,455	1,832,000
147	Cáp CXV-(3x185)	37	Compact			m	2,090,909	2,300,000
148	Cáp CXV-(3x240)	37	Compact			m	2,754,545	3,030,000
149	Cáp CXV-(3x300)	61	Compact			m	3,440,909	3,785,000
150	Cáp CXV-(3x400)	61	Compact			m	4,447,273	4,892,000

X. CÁP (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)

151	Cáp CXV-(3x2,5+1x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	45,091	49,600
152	Cáp CXV-(3x4+1x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	66,091	72,700
153	Cáp CXV-(3x6+1x4)	7	3,12	7	2,55	m	95,455	105,000
154	Cáp CXV-(3x10+1x6)	7	Compact	7	3,12	m	146,909	161,600
155	Cáp CXV-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	227,273	250,000
156	Cáp CXV-(3x25+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	325,000	357,500
157	Cáp CXV-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	368,182	405,000
158	Cáp CXV-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	470,909	518,000
159	Cáp CXV-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	527,273	580,000
160	Cáp CXV-(3x50+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	645,455	710,000
161	Cáp CXV-(3x50+1x35)	7	Compact	7	Compact	m	718,182	790,000
162	Cáp CXV-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	948,182	1,043,000
163	Cáp CXV-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	990,909	1,090,000
164	Cáp CXV-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,308,182	1,439,000
165	Cáp CXV-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,381,818	1,520,000
166	Cáp CXV-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,640,909	1,805,000
167	Cáp CXV-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,736,364	1,910,000
168	Cáp CXV-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,990,000	2,189,000
169	Cáp CXV-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,089,091	2,298,000
170	Cáp CXV-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,200,000	2,420,000
171	Cáp CXV-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,525,455	2,778,000
172	Cáp CXV-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,613,636	2,875,000
173	Cáp CXV-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,745,455	3,020,000
174	Cáp CXV-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,127,273	3,440,000
175	Cáp CXV-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,280,909	3,609,000
176	Cáp CXV-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,500,000	3,850,000
177	Cáp CXV-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	3,954,545	4,350,000
178	Cáp CXV-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,281,818	4,710,000
179	Cáp CXV-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,327,273	4,760,000

XI. CÁP 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)

180	Cáp CXV-(4x1,5)	7	1,56			m	33,636	37,000
181	Cáp CXV-(4x2,5)	7	2,01			m	50,000	55,000
182	Cáp CXV-(4x4)	7	2,55			m	73,636	81,000
183	Cáp CXV-(4x6)	7	3,12			m	104,545	115,000
184	Cáp CXV-(4x10)	7	Compact			m	163,636	180,000
185	Cáp CXV-(4x16)	7	Compact			m	250,000	275,000
186	Cáp CXV-(4x25)	7	Compact			m	400,000	440,000
187	Cáp CXV-(4x35)	7	Compact			m	554,545	610,000
188	Cáp CXV-(4x50)	7	Compact			m	754,545	830,000
189	Cáp CXV-(4x70)	19	Compact			m	1,081,818	1,190,000
190	Cáp CXV-(4x95)	19	Compact			m	1,477,273	1,625,000
191	Cáp CXV-(4x120)	19	Compact			m	1,827,273	2,010,000
192	Cáp CXV-(4x150)	19	Compact			m	2,294,545	2,524,000

193	Cáp CXV-(4x185)	37	Compact			m	2,875,455	3,163,000
194	Cáp CXV-(4x240)	37	Compact			m	3,610,909	3,972,000
195	Cáp CXV-(4x300)	61	Compact			m	4,585,455	5,044,000
196	Cáp CXV-(4x400)	61	Compact			m	5,943,636	6,538,000

XII. CÁP (3+2) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)

197	Cáp CXV-(3x2,5+2x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	53,455	58,800
198	Cáp CXV-(3x4+2x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	78,727	86,600
199	Cáp CXV-(3x6+2x4)	7	3,12	7	2,55	m	112,545	123,800
200	Cáp CXV-(3x10+2x6)	7	Compact	7	3,12	m	171,818	189,000
201	Cáp CXV-(3x16+2x10)	7	Compact	7	Compact	m	267,273	294,000
202	Cáp CXV-(3x25+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	402,727	443,000
203	Cáp CXV-(3x35+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	512,727	564,000
204	Cáp CXV-(3x35+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	577,273	635,000
205	Cáp CXV-(3x50+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	721,818	794,000
206	Cáp CXV-(3x50+2x35)	7	Compact	7	Compact	m	793,636	873,000
207	Cáp CXV-(3x70+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,009,091	1,110,000
208	Cáp CXV-(3x70+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,081,818	1,190,000
209	Cáp CXV-(3x95+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,356,364	1,492,000
210	Cáp CXV-(3x95+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,493,636	1,643,000
211	Cáp CXV-(3x120+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,741,818	1,916,000
212	Cáp CXV-(3x120+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,950,909	2,146,000
213	Cáp CXV-(3x150+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,066,364	2,273,000
214	Cáp CXV-(3x150+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,265,455	2,492,000
215	Cáp CXV-(3x150+2x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,422,727	2,665,000
216	Cáp CXV-(3x185+2x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,639,091	2,903,000
217	Cáp CXV-(3x185+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,812,727	3,094,000
218	Cáp CXV-(3x185+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,029,091	3,332,000
219	Cáp CXV-(3x240+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,389,091	3,728,000
220	Cáp CXV-(3x240+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,605,455	3,966,000
221	Cáp CXV-(3x240+2x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,865,455	4,252,000
222	Cáp CXV-(3x300+2x150)	61	Compact	19	Compact	m	4,254,545	4,680,000
223	Cáp CXV-(3x300+2x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,470,909	4,918,000
224	Cáp CXV-(3x300+2x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,874,545	5,362,000

XIII. CÁP NGẦM 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC)

225	Cáp CXV/DATA-(1x25)	7	Compact			m	113,636	125,000
226	Cáp CXV/DATA-(1x35)	7	Compact			m	150,000	165,000
227	Cáp CXV/DATA-(1x50)	7	Compact			m	200,000	220,000
228	Cáp CXV/DATA-(1x70)	19	Compact			m	290,909	320,000
229	Cáp CXV/DATA-(1x95)	19	Compact			m	390,909	430,000
230	Cáp CXV/DATA-(1x120)	19	Compact			m	486,364	535,000
231	Cáp CXV/DATA-(1x150)	19	Compact			m	600,000	660,000
232	Cáp CXV/DATA-(1x185)	37	Compact			m	754,545	830,000
233	Cáp CXV/DATA-(1x240)	37	Compact			m	954,545	1,050,000
234	Cáp CXV/DATA-(1x300)	61	Compact			m	1,227,273	1,350,000
235	Cáp CXV/DATA-(1x400)	61	Compact			m	1,590,909	1,750,000

XIV. CÁP NGẦM 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

236	Cáp CXV/DSTA-(2x1,5)	7	1,56			m	27,273	30,000
237	Cáp CXV/DSTA-(2x2,5)	7	2,01			m	39,091	43,000
238	Cáp CXV/DSTA-(2x4)	7	2,55			m	50,000	55,000
239	Cáp CXV/DSTA-(2x6)	7	3,12			m	65,455	72,000
240	Cáp CXV/DSTA-(2x10)	7	Compact			m	94,545	104,000
241	Cáp CXV/DSTA (2x16)	7	Compact			m	146,364	161,000
242	Cáp CXV/DSTA-(2x25)	7	Compact			m	218,182	240,000
243	Cáp CXV/DSTA-(2x35)	7	Compact			m	295,455	325,000
244	Cáp CXV/DSTA-(2x50)	7	Compact			m	390,909	430,000

245	Cáp CXV/DSTA-(2x70)	19	Compact			m	563,636	620,000
246	Cáp CXV/DSTA-(2x95)	19	Compact			m	772,727	850,000
247	Cáp CXV/DSTA-(2x120)	19	Compact			m	981,818	1,080,000
248	Cáp CXV/DSTA-(2x150)	19	Compact			m	1,181,818	1,300,000

XV. CÁP NGẦM 3 LỖI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

249	Cáp CXV/DSTA-(3x1,5)	7	1,56			m	39,091	43,000
250	Cáp CXV/DSTA-(3x2,5)	7	2.01			m	50,000	55,000
251	Cáp CXV/DSTA-(3x4)	7	2,55			m	66,364	73,000
252	Cáp CXV/DSTA-(3x6)	7	3,12			m	90,909	100,000
253	Cáp CXV/DSTA-(3x10)	7	Compact			m	140,909	155,000
254	Cáp CXV/DSTA-(3x16)	7	Compact			m	204,545	225,000
255	Cáp CXV/DSTA-(3x25)	7	Compact			m	322,727	355,000
256	Cáp CXV/DSTA-(3x35)	7	Compact			m	436,364	480,000
257	Cáp CXV/DSTA-(3x50)	7	Compact			m	609,091	670,000
258	Cáp CXV/DSTA-(3x70)	19	Compact			m	854,545	940,000
259	Cáp CXV/DSTA-(3x95)	19	Compact			m	1,136,364	1,250,000
260	Cáp CXV/DSTA-(3x120)	19	Compact			m	1,384,545	1,523,000
261	Cáp CXV/DSTA-(3x150)	19	Compact			m	1,727,273	1,900,000
262	Cáp CXV/DSTA-(3x185)	37	Compact			m	2,163,636	2,380,000
263	Cáp CXV/DSTA-(3x240)	37	Compact			m	2,836,364	3,120,000
264	Cáp CXV/DSTA-(3x300)	61	Compact			m	3,454,545	3,800,000
265	Cáp CXV/DSTA-(3x400)	61	Compact			m	4,454,545	4,900,000

XVI. CÁP NGẦM (3+1) LỖI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

266	Cáp CXV/DSTA-(3x2,5+1x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	55,455	61,000
267	Cáp CXV/DSTA-(3x4+1x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	80,909	89,000
268	Cáp CXV/DSTA-(3x6+1x4)	7	3,12	7	2,55	m	113,636	125,000
269	Cáp CXV/DSTA-(3x10+1x6)	7	Compact	7	3,12	m	163,636	180,000
270	Cáp CXV/DSTA-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	245,455	270,000
271	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	352,727	388,000
272	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	400,000	440,000
273	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	500,000	550,000
274	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	540,909	595,000
275	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	700,000	770,000
276	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x35)	7	Compact	7	Compact	m	754,545	830,000
277	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,000,000	1,100,000
278	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,045,455	1,150,000
279	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,372,727	1,510,000
280	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,463,636	1,610,000
281	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,727,273	1,900,000
282	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,818,182	2,000,000
283	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,045,455	2,250,000
284	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,154,545	2,370,000
285	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,236,364	2,460,000
286	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,609,091	2,870,000
287	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,709,091	2,980,000
288	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,818,182	3,100,000
289	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,181,818	3,500,000
290	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,381,818	3,720,000
291	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,559,091	3,915,000
292	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	4,045,455	4,450,000
293	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,318,182	4,750,000
294	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,500,000	4,950,000

XVII. CÁP NGẦM 4 LỖI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

295	Cáp CXV/DSTA-(4x1,5)	7	1,56			m	45,455	50,000
296	Cáp CXV/DSTA-(4x2,5)	7	2.01			m	61,818	68,000

297	Cáp CXV/DSTA-(4x4)	7	2,55			m	83,636	92,000
298	Cáp CXV/DSTA-(4x6)	7	3,12			m	115,455	127,000
299	Cáp CXV/DSTA-(4x10)	7	Compact			m	179,091	197,000
300	Cáp CXV/DSTA-(4x16)	7	Compact			m	272,727	300,000
301	Cáp CXV/DSTA-(4x25)	7	Compact			m	436,364	480,000
302	Cáp CXV/DSTA-(4x35)	7	Compact			m	590,909	650,000
303	Cáp CXV/DSTA-(4x50)	7	Compact			m	863,636	950,000
304	Cáp CXV/DSTA-(4x70)	19	Compact			m	1,154,545	1,270,000
305	Cáp CXV/DSTA-(4x95)	19	Compact			m	1,590,909	1,750,000
306	Cáp CXV/DSTA-(4x120)	19	Compact			m	1,954,545	2,150,000
307	Cáp CXV/DSTA-(4x150)	19	Compact			m	2,409,091	2,650,000
308	Cáp CXV/DSTA-(4x185)	37	Compact			m	3,018,182	3,320,000
309	Cáp CXV/DSTA-(4x240)	37	Compact			m	3,772,727	4,150,000
310	Cáp CXV/DSTA-(4x300)	61	Compact			m	4,740,909	5,215,000
311	Cáp CXV/DSTA-(4x400)	61	Compact			m	6,136,364	6,750,000

XVIII. CÁP NGẦM (3+2) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

312	Cáp CXV/DSTA-(3x2,5+2x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	66,364	73,000
313	Cáp CXV/DSTA-(3x4+2x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	91,818	101,000
314	Cáp CXV/DSTA-(3x6+2x4)	7	3,12	7	2,55	m	131,818	145,000
315	Cáp CXV/DSTA-(3x10+2x6)	7	Compact	7	3,12	m	189,091	208,000
316	Cáp CXV/DSTA-(3x16+2x10)	7	Compact	7	Compact	m	280,000	308,000
317	Cáp CXV/DSTA-(3x25+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	430,000	473,000
318	Cáp CXV/DSTA-(3x35+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	536,364	590,000
319	Cáp CXV/DSTA-(3x35+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	634,545	698,000
320	Cáp CXV/DSTA-(3x50+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	776,364	854,000
321	Cáp CXV/DSTA-(3x50+2x35)	7	Compact	7	Compact	m	833,636	917,000
322	Cáp CXV/DSTA-(3x70+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,033,636	1,137,000
323	Cáp CXV/DSTA-(3x70+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,174,545	1,292,000
324	Cáp CXV/DSTA-(3x95+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,436,364	1,580,000
325	Cáp CXV/DSTA-(3x95+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,563,636	1,720,000
326	Cáp CXV/DSTA-(3x120+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,836,364	2,020,000
327	Cáp CXV/DSTA-(3x120+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,024,545	2,227,000
328	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,254,545	2,480,000
329	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,339,091	2,573,000
330	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,570,000	2,827,000
331	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,738,182	3,012,000
332	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,969,091	3,266,000
333	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,304,545	3,635,000
334	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,524,545	3,877,000
335	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,829,091	4,212,000
336	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x185)	37	Compact	37	Compact	m	4,027,273	4,430,000
337	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x150)	61	Compact	19	Compact	m	4,321,818	4,754,000
338	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,636,364	5,100,000
339	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x240)	61	Compact	37	Compact	m	5,013,636	5,515,000

Thông tin : TRẦN PHÚ - TRAFUCO
ĐC: Số 41 Phương Liệt, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, HN

Website: tranphu.com.vn (http://tranphucable.com.vn/)

Email: Contact@tranphu.vn

Tel: 0243.869.1172 **Hotline:** 0898 414141

HÀ NỘI, ngày 31 Tháng 07 năm 2021

TL. TÔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KINH DOANH

TRỊNH VĂN ĐỨC